

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TML23B3
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	An toàn lao động điện lạnh(2)	Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3)	Điện tử căn bản(5)	Kỹ thuật nguội(3)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2355202054077	Phùng Huỳnh Trung Hiếu	03/01/2008	6.7	7.8	2.3	0.0	2.0	3.2	0.0	5.2	5.2	2.3	Yếu
02	2355202054078	Mu Ham Mađ So Ly Hin	07/07/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
03	2355202054079	Nguyễn Hải Hoàng	17/03/2007	9.1	7.4	2.8	4.7	2.2	3.4	2.5	6.8	7.8	4.2	Yếu
04	2355202054080	Tăng Tuấn Kiệt	21/07/2008	9.5	8.2	6.8	4.0	5.5	5.6	7.0	6.5	6.1	6.1	Trung bình
05	2355202054081	Huỳnh Đình Lượng	31/03/2004	10.0	8.2	9.1	8.8	5.8	8.3	8.4	8.9	8.3	8.3	Giỏi
06	2355202054082	Du Hoàng Nghị	13/03/2008	9.9	8.0	7.0	5.4	6.7	6.4	7.6	7.0	7.2	6.9	Trung bình
07	2355202054083	Trần Tấn Phước	08/02/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
08	2355202054084	Lê Tông Quý	21/09/2008	0.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
09	2355202054085	Châu Cẩm Thành	19/05/2008	8.8	7.9	7.0	0.0	0.0	6.1	0.0	6.0	6.6	3.1	Yếu
10	2355202054086	Nguyễn Công Thành	26/09/2008	8.2	2.5	2.1	0.0	2.5	2.2	0.0	0.0	3.1	1.1	Yếu
11	2355202054087	Nguyễn Vũ Thạnh	25/06/2007	9.8	6.7	6.5	0.0	7.8	6.4	6.9	5.8	7.2	6.0	Trung bình
12	2355202054088	Trịnh Hoàng Long Thiện	30/06/2008	9.1	5.8	7.9	6.4	7.3	5.9	7.1	6.1	8.0	6.8	Trung bình
13	2355202054089	Hà Phú Thịnh	17/08/2008	8.5	9.6	5.5	0.0	2.6	6.4	0.0	2.2	6.7	2.8	Yếu
14	2355202054090	Nguyễn Lý Thông	19/03/2008	9.9	6.3	8.6	6.0	7.6	6.2	7.4	7.1	9.1	7.3	Khá
15	2355202054091	Phan Trung Tín	13/06/2008	7.8	2.3	6.7	0.0	6.4	6.4	0.0	0.0	6.0	2.8	Yếu
16	2355202054092	Nguyễn Khắc Tính	01/07/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
17	2355202054093	Nguyễn Gia Toàn	12/03/2008	9.9	5.5	7.6	3.8	6.6	5.7	8.0	6.5	7.7	6.7	Trung bình
18	2355202054094	Nguyễn Ngọc Thanh Toàn	02/01/2008	9.8	6.6	6.1	4.6	6.1	6.2	7.2	6.5	6.7	6.4	Trung bình
19	2355202054095	Phạm Thanh Mạnh Toàn	30/09/2008	9.5	7.0	7.4	5.0	5.6	6.0	0.0	6.2	7.9	4.5	Yếu
20	2355202054096	Nguyễn Minh Trí	24/12/2008	9.8	9.1	7.0	4.0	6.2	5.8	6.9	6.0	7.1	6.2	Trung bình
21	2355202054097	Trần Minh Triết	17/11/2008	9.9	8.3	6.2	4.2	7.6	6.0	8.0	7.5	6.5	6.9	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2) Giáo dục thể chất(1) Pháp luật(1) Tiếng anh chuyên ngành(2) An toàn lao động điện lạnh(2) Cơ sở kỹ thuật nhiệt lạnh(3) Điện tử căn bản(5) Kỹ thuật nguội(3) Giáo dục Chính trị(2) Điểm TB										Xếp loại
22	2355202054098	Nguyễn Lê Tuấn	Tú	09/10/2008	9.2	5.1	8.0	5.6	3.0	6.9	7.4	6.8	7.4	6.6	Trung bình
23	2355202054099	Nguyễn Thanh	Tú	11/02/2008	9.4	5.8	6.4	4.0	7.5	6.5	7.5	7.0	6.4	6.7	Trung bình
24	2355202054100	Nguyễn Trung	Tuấn	20/11/2006	9.8	2.2	2.0	0.0	2.2	2.9	0.0	0.0	3.3	1.2	Yếu
25	2355202054101	Trần Văn	Tuấn	16/11/2007	0.0	2.8	0.0	0.0	0.0	3.0	0.0	2.3	0.0	0.9	Yếu
26	2355202054102	Võ Anh	Tuấn	21/11/2008	9.8	5.2	6.3	3.3	7.4	6.6	6.8	6.9	7.5	6.5	Trung bình
27	2355202054103	Trần Vi	Tường	06/12/2007	9.8	8.6	5.1	0.0	5.3	6.4	6.2	0.0	6.4	4.4	Yếu
28	2355202054104	Trịnh Phú	Tỷ	04/02/2008	0.0	7.0	6.6	0.0	5.4	5.5	0.0	0.0	6.6	2.6	Yếu
29	2355202054105	Lương Huỳnh Phúc	Vĩ	23/06/2008	9.8	9.4	7.7	4.6	7.1	6.5	6.9	6.9	8.1	6.8	Trung bình
30	2355202054106	Nguyễn Hùng	Vĩ	23/08/2008	9.7	7.4	6.0	4.2	7.0	5.3	7.6	6.8	6.8	6.5	Trung bình
31	2355202054107	Lê Đăng Quốc	Việt	27/07/2007	9.8	8.1	7.2	5.6	7.4	5.6	8.0	7.4	7.4	7.1	Khá
32	2355202054108	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Việt	02/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	2.6	0.0	0.4	Yếu
33	2355202054109	Phạm Quang	Vinh	21/10/2008	9.9	5.9	5.7	4.3	7.2	6.2	7.2	6.1	7.0	6.4	Trung bình
34	2355202054110	Nguyễn Văn	Vĩnh	10/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
35	2355202054111	Nguyễn Hoài	Vũ	01/11/2008	7.7	8.4	6.4	7.7	5.5	6.0	7.2	7.8	6.2	6.8	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái